

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 VÀ LŨY KẾ NĂM 2018



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	05 – 20
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng tài sản cố định hữu hình	21
6. Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	22

---

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.484.058.769.660</b>	<b>1.130.315.406.093</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>112.054.467.776</b>	<b>66.286.111.640</b>
111	1. Tiền		112.054.467.776	66.286.111.640
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>778.219.908.920</b>	<b>400.766.862.310</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	757.991.560.536	384.519.598.482
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.563.291.496	11.165.088.797
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		12.341.176.543	6.408.294.686
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.3	(676.119.655)	(1.326.119.655)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.4	<b>581.081.422.972</b>	<b>625.357.879.584</b>
141	1. Hàng tồn kho		581.081.422.972	625.357.879.584
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.702.969.992</b>	<b>37.904.552.559</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5	3.195.960.260	1.954.350.566
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.158.916.940	35.504.626.224
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	348.092.792	445.575.769
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>305.578.848.089</b>	<b>283.005.863.730</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		8.000.000	8.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>202.497.665.874</b>	<b>176.275.181.747</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	187.981.448.943	160.818.218.240
222	- Nguyên giá		244.147.952.026	204.358.207.288
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.166.503.083)	(43.539.989.048)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	14.516.216.931	15.456.963.507
228	- Nguyên giá		17.352.936.169	17.352.936.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.836.719.238)	(1.895.972.662)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.8	<b>99.432.348.940</b>	<b>99.239.345.204</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		116.956.709.500	116.956.709.500
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.524.360.560)	(17.717.364.296)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.640.833.275</b>	<b>7.483.336.779</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5	3.640.833.275	7.483.336.779
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.789.637.617.749</b>	<b>1.413.321.269.823</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.324.562.826.865</b>	<b>1.018.706.320.521</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.324.562.826.865</b>	<b>1.018.706.320.521</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	221.067.630.346	100.150.389.002
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	82.465.657.530	55.505.782.421
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	9.558.261.138	6.657.817.097
314	4. Phải trả người lao động		12.952.553.540	5.137.308.032
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.754.135.198	207.131.261
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		5.300.602.535	7.321.717.915
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	991.463.986.578	843.726.174.793
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.13</b>	<b>465.074.790.884</b>	<b>394.614.949.302</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>465.074.790.884</b>	<b>394.614.949.302</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		350.133.990.000	233.424.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		350.133.990.000	233.424.330.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	63.704.711.919
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	4.249.042.783
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.940.800.884	93.236.864.600
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.467.310.802	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		105.473.490.082	93.236.864.600
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.789.637.617.749</b>	<b>1.413.321.269.823</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Tiến Dũng

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	DVT - VND			
			Quý 4 năm 2018	Quý 4 năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	3	5	4	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.566.262.182.940	1.174.968.451.514	4.882.095.722.466	3.983.815.980.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	1.626.363.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.566.262.182.940	1.174.968.451.514	4.882.095.722.466	3.982.189.616.799
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.501.008.108.310	1.134.969.340.891	4.650.176.771.033	3.838.847.262.151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.254.074.630	39.999.110.623	231.918.951.433	143.342.354.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	101.560.491	74.842.941	474.115.428	170.593.140
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.481.057.216	8.975.017.815	41.360.878.347	32.663.902.966
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.469.809.577	11.036.632.105	41.296.796.136	14.412.207.510
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	33.808.877.047	21.786.722.284	111.292.167.915	84.285.250.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.002.437.571	8.201.213.765	42.425.054.698	32.262.645.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.063.263.287	1.110.999.700	37.314.965.901	(5.698.851.297)
11. Thu nhập khác	31	6.7	36.207.196.427	32.412.522.696	95.032.248.445	123.116.236.753
12. Chi phí khác	32		(59.569.838)	622.345.350	331.374.965	689.076.073
13. Lợi nhuận khác	40		36.266.766.265	31.790.177.346	94.700.873.480	122.427.160.680
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.330.029.552	32.901.177.046	132.015.839.381	116.728.309.383
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	9.205.324.071	6.658.623.824	26.542.348.315	23.491.444.783
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.124.705.481	26.242.553.222	105.473.491.066	93.236.864.600

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>132.015.839.381</b>	<b>116.728.309.383</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>68.169.712.935</b>	<b>48.386.102.318</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		28.399.911.033	22.725.725.691
03	- Các khoản dự phòng		(843.003.736)	(2.720.939.724)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(683.990.498)	(7.175.971.216)
06	- Chi phí lãi vay		41.296.796.136	35.557.287.567
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>200.185.552.316</b>	<b>165.114.411.701</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(350.359.854.349)	(211.780.780.875)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(96.486.498.480)	(238.654.842.001)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		155.288.383.328	(41.006.620.812)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.600.893.810	(3.954.797.781)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(41.296.796.136)	(35.557.287.567)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.965.948.068)	(21.116.068.482)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(154.034.267.579)</b>	<b>(386.955.985.817)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(178.829.655.209)	(187.013.126.869)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		265.654.205.639	118.248.221.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	91.920.140
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>86.824.550.430</b>	<b>(68.672.985.547)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.878.061.815.964	3.993.730.471.457
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(4.730.324.004.179)	(3.500.836.523.745)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(34.759.738.500)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>112.978.073.285</b>	<b>492.893.947.712</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>45.768.356.136</b>	<b>37.264.976.348</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>66.286.111.640</b>	<b>29.021.135.292</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>112.054.467.776</b>	<b>66.286.111.640</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIẾN DŨNG

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trong năm.

### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Công ty con.*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	76,20%	76,20%	76,20%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
2. Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	92,72%	92,72%	92,72%

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính Công ty có 484 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 496 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.



3. **Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.



## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **11. Vốn chủ sở hữu**

### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **13. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

### **14. Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### ***Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là xe ô tô, phụ tùng, ...***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

**21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh

lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **22. Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.836.241.375	16.701.908.067
Tiền gửi ngân hàng	87.218.226.401	49.584.203.573
<b>Cộng</b>	<b>112.054.467.776</b>	<b>66.286.111.640</b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>107.624.863.617</i>	<i>45.043.390.114</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	107.052.165.020	44.911.009.220
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	572.698.597	132.380.894
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>650.366.696.919</i>	<i>339.476.208.368</i>
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	253.170.123.878	166.903.868.433
Các khách hàng khác	397.196.573.041	172.572.339.935
<b>Cộng</b>	<b>757.991.560.536</b>	<b>384.519.598.482</b>

### 3. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (phải thu lãi cho vay)	Trên 3 năm	-	Từ 2 đến 3 năm	650.000.000
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		676.119.655		676.119.655
<b>Cộng</b>		<b>676.119.655</b>		<b>1.326.119.655</b>

### 4. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	4.057.675	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.568.731.282	-	47.279.409.600	-
Công cụ, dụng cụ	65.185.000	-	85.810.000	-
Chi phí SXKD dở dang	10.395.826.239	-	11.745.828.396	-
Hàng hóa	518.047.622.776	-	566.246.831.588	-
<b>Cộng</b>	<b>581.081.422.972</b>	<b>-</b>	<b>625.357.879.584</b>	<b>-</b>

### 5. Chi phí trả trước

#### Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, khác có thời gian dưới 12 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, khác có thời gian từ 12 tháng trở lên.

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	568.841.265	1.327.131.397	1.895.972.662
Tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	55.951.596	884.794.980	940.746.576
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	624.792.861	2.211.926.377	2.836.719.238
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.228.738.735	4.379.387.972	15.456.963.507
Số cuối năm	8.848.836.800	2.172.787.139	3.494.592.992	14.516.216.931

**8. Đầu tư tài chính dài hạn**

Là các khoản đầu tư vào công ty con. Chi tiết gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(*)</sup>	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(*)</sup>	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ <sup>(1)</sup>	22.561.150.000	11.061.686.660	(11.499.463.340)	22.561.150.000	9.278.018.469	(13.283.131.53)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM <sup>(2)</sup>	94.395.559.500	88.370.662.280	(6.024.897.220)	94.395.559.500	89.961.326.735	(4.434.232.76)
<b>Cộng</b>	<b>116.956.709.500</b>	<b>99.432.348.940</b>	<b>(17.524.360.560)</b>	<b>116.956.709.500</b>	<b>99.239.345.204</b>	<b>(17.717.364.29)</b>

<sup>(1)</sup> Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là cho thuê mặt bằng và sửa chữa xe Ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 76,20% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 76,20%).

<sup>(2)</sup> Ngành nghề hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là cho thuê xe Ô tô hiệu Mercedes-Benz. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là 92,72% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 92,72%).

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

**Giao dịch với các công ty con**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm nay	Năm trước
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
+ Doanh thu bán phụ tùng và máy móc	909.795.975	3.552.211.150
+ Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ khác	818.181.819	1.090.909.092
+ Doanh thu cho thuê xe và thiết bị	75.404.145	221.476.315
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
+ Doanh thu bán xe	145.467.363.636	163.894.559.268
+ Chi phí thuê mặt bằng	3.650.854.540	2.799.999.997
+ Chi trả tiền vay	-	13.000.000.000
+ Chi phí lãi vay	-	412.249.997

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>350.000.006</b>	<b>716.422.775</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	-	81.007.322
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	350.000.006	635.415.453
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>220.717.630.340</b>	<b>99.433.966.227</b>
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	212.369.014.058	92.177.358.079
Công ty Cổ phần Viện Máy và Dụng Cụ Công Nghiệp	3.706.052.273	3.565.620.890
Các nhà cung cấp khác	4.642.564.009	3.690.987.258
<b>Cộng</b>	<b>221.067.630.346</b>	<b>100.150.389.002</b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	18.741.677		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.628.923.824	-	9.205.323.824	
- Thuế thu nhập cá nhân	28.893.273	-	352.937.069	
- Tiền thuê đất	-	426.834.092		348.092.792
<b>Cộng</b>	<b>6.657.817.097</b>	<b>445.575.769</b>	<b>9.558.260.893</b>	<b>348.092.792</b>

**11a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132.015.839.381	116.728.309.383
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập		

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Năm nay	Năm trước
doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	695.901.212	415.731.164
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	695.901.212	415.731.164
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	132.711.740.593	117.144.040.547
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>26.542.348.315</b>	<b>23.428.808.109</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	62.636.674
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>26.542.348.315</b>	<b>23.491.444.783</b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	991.463.986.578	991.463.986.578	843.726.174.793	843.726.174.793
<b>Cộng</b>	<b>991.463.986.578</b>	<b>991.463.986.578</b>	<b>843.726.174.793</b>	<b>843.726.174.793</b>

**13. Vốn chủ sở hữu****13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm

**13b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	83.528.340.000	23,86%	50.685.560.000	21,71%
- Bà Vũ Thị Hạnh	54.530.960.000	15,57%	29.687.310.000	12,72%
- Các cổ đông khác	212.074.690.000	60,57%	153.051.460.000	65,57%
<b>Cộng</b>	<b>350.133.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>233.424.330.000</b>	<b>100%</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	350.133.990.000	350.133.990.000	-
<b>Cộng</b>	<b>350.133.990.000</b>	<b>350.133.990.000</b>	<b>-</b>

**13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	233.424.330.000	142.315.340.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Vốn góp tăng trong năm	116.709.660.000	91.108.990.000
+ Vốn góp cuối năm	350.133.990.000	233.424.330.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	151.723.309.484	87.671.839.987

**13d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	35.013.399	23.342.433
- Cổ phiếu phổ thông	35.013.399	23.342.433
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.013.399	23.342.433
- Cổ phiếu phổ thông	35.013.399	23.342.433
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh xe	4.576.148.193.809	3.770.002.566.124
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	301.660.466.332	209.702.673.409
Doanh thu hoạt động khác	4.287.062.325	4.110.740.902
<b>Cộng</b>	<b><u>4.882.095.722.466</u></b>	<b><u>3.983.815.980.435</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh xe	4.382.448.872.509	3.656.458.437.775
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	265.195.102.102	179.922.379.835
Giá vốn hoạt động khác	2.532.796.422	2.466.444.541
<b>Cộng</b>	<b><u>4.650.176.771.033</u></b>	<b><u>3.838.847.262.151</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

Chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	43.750.686.807	30.219.111.048
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.933.707.535	15.560.213.636
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	23.534.312.030	17.548.063.219
- Các chi phí khác	24.073.461.543	20.957.862.359
<b>Cộng</b>	<b><u>111.292.167.915</u></b>	<b><u>84.285.250.262</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	23.759.252.539	16.632.846.432
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.146.538.945	5.702.605.885
- Trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi	-	195.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.315.318.521	970.123.353
- Các chi phí khác	11.203.944.693	8.762.070.187
<b>Cộng</b>	<b><u>42.425.054.698</u></b>	<b><u>32.262.645.857</u></b>

**7. Thu nhập khác**

Chủ yếu là thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng và hỗ trợ từ Mercedes-Benz Việt Nam

**8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)**

**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Chi tiết	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lương và thu nhập khác	4.233.751.567	3.276.440.000

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**  
*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.8, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.9

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

**3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Tổng Giám đốc



ĐỖ TIẾN DŨNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Phụ lục số 01: Chi tiết tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	56.117.977.347	23.709.614.784	119.306.887.318	3.193.662.375	2.030.065.464	204.358.207.288
2. Tăng trong kỳ	2.570.953.289	849.472.500	315.458.087.031	714.097.481	-	319.592.610.301
- Tăng do Mua sắm	2.570.953.289	849.472.500	315.458.087.031	714.097.481	-	319.592.610.301
3. Giảm trong năm	-	-	(279.802.865.563)	-	-	(279.802.865.563)
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(279.802.865.563)	-	-	(279.802.865.563)
4. Số dư cuối kỳ	58.688.930.636	24.559.087.284	154.962.108.786	3.907.759.856	2.030.065.464	244.147.952.026
<i>Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là</i>	13.188.216.794	10.168.286.274	536.820.333	1.083.430.916	135.523.803	25.112.278.120
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	21.934.729.970	13.190.799.393	4.616.181.206	2.770.140.828	1.028.137.651	43.539.989.048
2. Tăng trong kỳ	6.043.085.513	2.791.424.858	17.503.431.127	706.017.259	415.205.700	27.459.164.457
3. Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(14.832.650.422)	-	-	(14.832.650.422)
4. Số dư cuối kỳ	27.977.815.483	15.982.224.251	7.286.961.911	3.476.158.087	1.443.343.351	56.166.503.083
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	34.183.247.377	10.518.815.391	114.690.706.112	423.521.547	1.001.927.813	160.818.218.240
2. Tại ngày cuối năm	30.711.115.153	8.576.863.034	147.675.146.875	431.601.769	586.722.113	187.981.448.943

Người lập biểu

*(Signature)*

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG

Kế toán trưởng

*(Signature)*

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



ĐỖ TIẾN DŨNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HANG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
A	1	2	4	6	7
1. Số dư đầu năm trước	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.192.796	87.671.839.987	301.378.084.702
2. Tăng trong năm trước	91.108.990.000	-	-	93.236.864.600	184.345.854.600
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	93.236.864.600	93.236.864.600
- Bổ sung từ lợi nhuận	91.108.990.000	-	-	-	91.108.990.000
3. Giảm trong năm trước	-	-	(3.437.150.013)	(87.671.839.987)	(91.108.990.000)
- Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	(87.671.839.987)	(87.671.839.987)
- Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(3.437.150.013)	-	(3.437.150.013)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	233.424.330.000	63.704.711.919	4.249.042.783	93.236.864.600	394.614.949.302
5. Tăng trong năm	116.709.660.000	-	-	105.473.491.066	222.183.151.066
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	105.473.491.066	105.473.491.066
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	116.709.660.000	-	-	-	116.709.660.000
6. Giảm trong kỳ này	-	(63.704.711.919)	(4.249.042.783)	(83.769.554.782)	(151.723.309.484)
Chi trả cổ tức bằng tiền trong năm	-	-	-	(35.013.649.484)	(35.013.649.484)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(63.704.711.919)	(4.249.042.783)	(48.755.905.298)	(116.709.660.000)
7. Số dư cuối năm	350.133.990.000	-	-	114.940.800.884	465.074.790.884

Người lập biểu



*(Signature)*

**NGUYỄN THỊ THANH HẰNG**

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 46... tháng ...CT... năm 2019



*(Signature)*

**HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT**